

## NGHIÊN CỨU TÌNH TRẠNG VÀ BẢO TỒN KHU HỆ LINH TRƯỞNG TẠI KHU BẢO TỒN LOÀI VÀ SINH CẢNH VOỌC MŨI HÉCH KHAU CA, HÀ GIANG

**Đông Thanh Hải**

TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

### TÓM TẮT

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mũi hếch Khu Ca nằm trên địa bàn tỉnh Hà Giang là nơi quan trọng bảo tồn quần thể Voọc mũi hếch ở Việt Nam. Cho tới nay, đã có một số nghiên cứu chuyên sâu về loài Voọc mũi hếch mà chưa chú ý đến nghiên cứu mở rộng về khu hệ thú Linh trưởng tại khu vực. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm làm rõ và cập nhật các thông tin về tình trạng và bảo tồn khu hệ linh trưởng và đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài Linh trưởng cho Khu bảo tồn. Phương pháp phỏng vấn và điều tra theo tuyến được sử dụng để thu thập các số liệu liên quan đến nội dung nghiên cứu. Kết quả thu được cho thấy tổng số có 6 loài Linh trưởng thuộc 2 họ được ghi nhận tại KBT. Khu hệ Linh trưởng ở đây có giá trị bảo tồn cao. Tất cả 6 loài ghi nhận đều được xếp hạng từ mức sắp nguy cấp đến nguy cấp cao ở mức độ quốc gia và toàn cầu. Săn bắt và phá hủy sinh cảnh là 2 mối đe dọa chính đến khu hệ Linh trưởng tại đây. Bảy nhóm giải pháp được đề xuất nhằm bảo tồn các loài thú Linh trưởng trong KBT Khu Ca.

**Từ khóa:** Hà Giang, Khu Ca, Linh trưởng, thành phần loài.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những quốc gia có tính đa dạng cao về Khu hệ Linh trưởng. Theo phân loại của Groves (2001; 2004), thú Linh trưởng Việt Nam gồm 24 loài và phân loài, thuộc 03 họ đó là: họ Cu li (Loridae), họ Khỉ (Cercopithecidae) và họ Vượn (Hylobatidae). Trong đó có rất nhiều loài đặc hữu như: Voọc mông trắng (*Trachypithecus delacouri*), Voọc Cát Bà (*Trachypithecus poliocephalus*), Chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*), Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*) và Vượn đen Hải Nam (*Nomascus nasutus*). Ngoài sự đa dạng về loài, Việt Nam cũng là quốc gia có số loài Linh trưởng đặc hữu cao nhất thế giới, ngoại trừ vài quốc gia có sự đa dạng và mức độ đặc hữu cao một cách đặc biệt như: Brazil, Indonesia và Madagasca.

Nằm trong hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh (KBTLVSC) Voọc mũi hếch, tỉnh Hà Giang thuộc khu vực rừng Khu Ca là một khu rừng trên núi đá vôi tương đối biệt lập, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học của quốc gia, đặc biệt là loài Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*) (Lê

Khắc Quyết, 2001; 2004). Theo điều tra sơ bộ KBTLVSC Khu Ca có 25 loài thú thuộc 12 họ và 6 bộ, trong đó có 5 loài linh trưởng đã được ghi nhận bao gồm Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*); Khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*), Khỉ mốc (*M. assamensis*), Culi lớn (*Nycticebus bengalensis*), Culi nhỏ (*N.pygmaeus*) (Lê Khắc Quyết và Lưu Tường Bách, 2006). Tuy nhiên, từ năm 2006 đến nay, các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung vào loài Voọc mũi hếch mà chưa chú ý đến nghiên cứu mở rộng về khu hệ thú Linh trưởng tại khu vực. Mặt khác, cập nhật thông tin là cơ sở để các nhà quản lý, các nhà chuyên môn đưa ra các giải pháp bảo tồn các loài Linh trưởng cho vùng đặc biệt quan trọng này.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm mục đích bổ xung cơ sở dữ liệu về hiện trạng, phân bố cũng như tình trạng các loài Linh trưởng hiện có trong KBT. Vì vậy, nghiên cứu sẽ là tập trung trả lời các câu hỏi: Hiện tại có bao nhiêu loài Linh trưởng tại KBTLVSC Khu Ca? Vùng phân bố của các loài Linh trưởng tại đây như thế nào? Các hoạt động của con người ảnh hưởng như thế nào đến các loài thú trong khu vực? Kết quả của nghiên cứu sẽ là cơ sở

đưa ra các giải pháp quản lý và bảo tồn các quần thể Linh trưởng tại KBTL&SC Khau Ca.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Phương pháp phỏng vấn**

Phỏng vấn được thực hiện với 35 đối tượng bao gồm các cán bộ Kỹ thuật, Kiểm lâm viên, tuần rừng, và người dân địa phương thuộc các xã Minh Sơn, Tùng Bá, và Yên Định. Những người dân được phỏng vấn là những người có kinh nghiệm đi rừng, có sự hiểu biết về rừng, thường xuyên đi rừng tìm kiếm cây thuốc hoặc khai thác gỗ, củi. Phỏng vấn được tiến hành trước nghiên cứu thực địa nhằm làm rõ những thông tin liên quan đến tình trạng quần thể các loài Linh trưởng tại Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Khau Ca, tỉnh Hà Giang cũng như những tác động của người dân lên quần thể này tại đây. Tuy nhiên, các thông tin phỏng vấn chỉ mang tính chất tham khảo và nó chỉ được khẳng định bằng quá trình điều tra thực địa.

### **2.2. Phương pháp điều tra theo tuyến**

Mục đích của việc thiết lập và điều tra trên tuyến là xác định thành phần loài, mối quan hệ giữa các loài thú Linh trưởng và sinh cảnh sống của chúng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra trên tuyến tiến hành ghi nhận các tác động của con người tới tài nguyên của KBT. Tổng số có 5 tuyến được lập trong khu vực nghiên cứu. Nguyên tắc lập tuyến là đi qua các dạng sinh cảnh, địa hình khác nhau. Tuyến có chiều dài từ 2.500 m đến 3.500 m.

Điều tra trên tuyến được thực hiện cả ngày bắt đầu từ 5h30 và kết thúc lúc 17h30. Ngoài ra, việc điều tra cũng được thực hiện vào ban đêm đối với các loài Linh trưởng hoạt động ban đêm (ví dụ: Cu li). Trong quá trình điều tra trên tuyến, người điều tra di chuyển với tốc độ 1,5-2,5 km/h và cứ 30 phút dừng lại quan sát tại các điểm thoáng hoặc trên đỉnh giông khoảng 30 phút.

Vị trí các tuyến điểm khảo sát, tuyến điều tra và điểm phát hiện các loài được xác định ngoài thực địa và trên bản đồ bằng máy định vị toàn cầu (GPS). Trong quá trình điều tra, thông tin về sự có mặt của loài được ghi nhận thông qua cả dấu hiệu trực tiếp và gián tiếp. Dấu hiệu trực tiếp trong điều tra này đó là loài được quan sát trực tiếp ngoài thực địa. Các dấu hiệu gián tiếp bao gồm: Vết ăn, lông, phân, tiếng kêu... Các thông tin ghi nhận trong quá trình điều tra được ghi vào các bảng điều tra thiết kế sẵn và sổ tay ngoại nghiệp.

### **2.3. Phân chia sinh cảnh và xác định phân bố của các loài**

Trong nghiên cứu này việc xác định và mô tả các dạng sinh cảnh chính ở KBTLVSC Khau Ca dựa trên các bản đồ hiện trạng thảm thực vật và phương pháp quan sát trực tiếp trên tuyến điều tra. Ngoài ra, để mô tả sinh cảnh người điều tra sử dụng máy ảnh chụp lại các dạng sinh cảnh chính trong khu vực nghiên cứu. Quan điểm phân chia như sau: rừng nguyên sinh trên núi đá vôi, rừng thứ sinh trên núi đá vôi, rừng thứ sinh trên núi đất, rừng phục hồi sau khai thác nương rẫy.

### **2.4. Phương pháp xác định và đánh giá các mối đe dọa**

Các mối đe dọa đến khu hệ Linh trưởng được xác định bằng phương pháp điều tra theo tuyến và phỏng vấn. Người điều tra tiến hành ghi chép các mối đe dọa trên mỗi tuyến bao gồm: săn bắt động vật hoang dã, khai thác gỗ, đốt nương làm rẫy, chăn thả gia súc, khai thác quặng... Sau khi xác định và liệt kê các mối đe dọa trong khu bảo tồn tiến hành đánh giá cho điểm theo thứ tự từ 1 đến n điểm, tương ứng với n mối đe dọa tùy từng mức độ ảnh hưởng lớn hay nhỏ và tránh cho hai mối đe dọa có số điểm bằng nhau dựa trên 3 tiêu chí: diện tích ảnh hưởng của mối đe dọa, cường độ ảnh hưởng của mối đe dọa và tính cấp thiết của mối đe dọa (Margoluis and Salafsky, 2001).

**2.5. Phương pháp đánh giá giá trị của thú Linh trưởng tại khu vực nghiên cứu**

Giá trị của thú Linh trưởng tại khu vực nghiên cứu được phân chia theo các giá trị: khoa học, bảo tồn nguồn gen, cung cấp thực phẩm, dược liệu, da, lông, làm cảnh và bảo vệ môi trường dựa vào đặc điểm sinh học. Cơ sở để đánh giá các giá trị này là dựa vào Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh sách Đỏ IUCN (2013) và Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ (2006).

**2.6. Xử lý số liệu**

*Tài liệu sử dụng trong phân loại và đánh giá*

Tên phổ thông và tên khoa học theo Đặng Huy Huỳnh và cộng sự (2007), Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009), Groves (2001; 2004).

*Sử dụng một số phần mềm xử lý số liệu*

Kết quả thu thập được phân tích và xử lý

theo từng nội dung nghiên cứu, trong quá trình phân tích và xử lý số liệu đề tài có sử dụng một số phần mềm như Excel, Photoshop và MapInfo. Ví dụ: Excel dùng để thống kê tọa độ trong quá trình điều tra trên tuyến; Photoshop dùng để chỉnh sửa hình ảnh và MapInfo để thiết kế các tuyến điều tra, xây dựng bản đồ phân bố các loài thú Linh trưởng và bản đồ phân cấp mức độ đe dọa.

**III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Thành phần khu hệ thú Linh trưởng tại KBTLVSC Khau Ca**

Kết quả điều tra từ nhiều nguồn thông tin khác nhau đã ghi nhận sự có mặt của 6 loài thú Linh trưởng thuộc 02 họ (bảng 1). Trong số đó có 2 loài được quan sát trực tiếp: Khỉ mốc (*Macaca assamensis*) và Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*).

**Bảng 1. Thành phần các loài thú Linh trưởng tại KBTLVSC Khau Ca**

TT	Tên loài		Nguồn thông tin			
	Tên phổ thông	Tên khoa học	QS	MV	PV	TL
I	Họ Cu li	Loricidae				
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus coucang</i>			+	+
2	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	+		+	+
II	Họ Khi	Cercopithecidae				
3	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	+		+	+
4	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	+		+	
5	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	+	+	+	+
6	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	+		+	+

*Chú thích: QS: quan sát; MV: mẫu vật; PV: phỏng vấn; TL: tài liệu.*

Tổng số có 6 loài thú Linh trưởng ghi nhận tại KBTLVSC Khau Ca chiếm 25% tổng số loài thú Linh trưởng hiện có ở Việt Nam. Các loài thú Linh trưởng ở khu vực nghiên cứu chủ yếu là các loài khá phổ biến ở nước ta, ngoại trừ loài Voọc mũi hếch là loài đặc hữu và có vùng phân bố hẹp. Hai loài được quan sát được ghi nhận trong khoảng cách tương đối gần. Thông tin về hai loài quan sát được mô tả chi tiết như sau:

*Loài Khỉ mốc (Macaca assamensis)*

Đàn khỉ mốc được ghi nhận vào thời điểm 16h ngày 05 tháng 07 năm 2013 trên tuyến B tại xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên. Trạng thái sinh cảnh nơi ghi nhận là rừng thứ sinh trên núi đá vôi. Tọa độ nơi quan sát là 0307121N/2527764E. Số lượng Khỉ mốc quan sát được là 03 cá thể tuy nhiên căn cứ vào di chuyển của cành cây, ước tính đàn khỉ có khoảng 5 -7 cá thể. Hoạt động chính của đàn Khỉ mốc lúc quan sát được là đang di chuyển và kiếm ăn. Cụ li quan sát đàn

Khi mốc khoảng 200m. Ngoài ghi nhận bằng quan sát trực tiếp, hình ảnh về loài Khi mốc cũng được chụp ngoài thực địa. Ngoài ra, thông tin về sự có mặt của loài Khi mốc tại khu vực điều tra còn được xác nhận thông qua phỏng vấn người dân địa phương.

*Loài Voọc mũi hếch (Rhinopithecus avunculus)*

Loài Voọc mũi hếch được quan sát 2 lần trên các tuyến B và tuyến D tại khu vực điều tra. Lần quan sát thứ nhất vào lúc 10h50' ngày 02/7/2013 trên tuyến D tại toạ độ 0306818N/2529519E. Cự li quan sát vào khoảng 100m. Số lượng cá thể quan sát được là 9 cá thể, trong đó có một con non. Tại thời điểm quan sát, đàn Voọc vừa di chuyển vừa nghỉ. Một cá thể non di chuyển chậm hơn và có thể bị lạc đàn, tụt lại phía sau. Cá thể non được quan sát trong vòng khoảng 15 phút trước khi một cá thể Voọc cái quay lại và đưa đi theo đàn. Do khoảng cách quan sát ngắn, rất nhiều hình ảnh về cá thể non đã được ghi lại. Thông qua hình ảnh ghi nhận, con non được quan sát là cá thể đực.

Lần quan sát Voọc mũi hếch thứ hai vào lúc 16h29' ngày 05/7/2013 tại toạ độ 0307105/2527720 trên tuyến B. Cự li quan sát khoảng 300m. Số cá thể quan sát được khoảng trên 30 cá thể, ước tính đàn có 30-40 cá thể. Hoạt động chính của đàn Voọc lúc quan sát là di chuyển, nghỉ, và kiếm ăn. Tuy nhiên, do đàn Voọc, phát hiện sự có mặt của người điều tra, nên chúng di chuyển và mất dấu tại toạ độ 0307187/2527629.

Ngoài hai loài quan sát được, qua tài liệu của Lê Khắc Quyết và Lưu Tường Bách (2006), đề tài ghi nhận thêm 4 loài là: Khi mặt đỏ (*Macaca arctoides*), Khi vàng (*Macaca mulatta*), Cu li lớn (*Nycticebus coucang*) và Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*). Tuy nhiên trong quá trình điều tra trên tuyến không loài nào trong số này được ghi nhận trực tiếp.

Ngoài ra, theo nguồn thông tin phỏng vấn, cả 6 loài Linh trưởng nêu trên đều được người dân địa phương bắt gặp. Từ kết quả 35 phiếu phỏng vấn, kết quả tổng hợp về mức độ bắt gặp của người dân thể hiện trong phụ lục 02. Người dân địa phương thường xuyên bắt gặp Voọc mũi hếch và Khi mặt đỏ tại khu rừng Khau ca. Số lượng khi trong vùng còn tương đối lớn, người dân dễ dàng bắt gặp đàn với số lượng từ 10 đến 50 cá thể, đặc biệt là Voọc mũi hếch thường được ghi nhận đàn có khoảng 20 đến 30 cá thể. Người dân cho biết các đàn Khi mốc và Khi mặt đỏ cũng thường xuyên xuống khu vực nương rẫy giáp ranh Khu bảo tồn bê trộm ngô vào mùa thu hoạch, số lượng bắt gặp có khi lên đến 30-40 cá thể. Loài Khi vàng ít gặp hơn nhưng cũng được người dân bắt gặp trong thời gian từ cách đây trên 10 năm đến nửa đầu năm 2013 với số lượng mỗi lần quan sát khoảng 5-20 cá thể, lần quan sát nhiều nhất khoảng trên 20 cá thể. Loài Cu li lớn và Cu li nhỏ không được người dân quan tâm, hơn nữa các loài này hoạt động về đêm nên người dân cũng ít bắt gặp. Trong số những người được phỏng vấn có khoảng 11 người bắt gặp 1 trong 2 loài Cu li này.

Như vậy, dựa trên tất cả các nguồn thông tin đề tài đã ghi nhận được tổng số 6 loài Linh trưởng tại khu vực nghiên cứu. Đặc biệt là sự ghi nhận về sự có mặt của loài Linh trưởng đặc hữu và quý hiếm, loài Voọc mũi hếch.

### **3.2. Phân bố thú Linh trưởng theo các dạng sinh cảnh trong khu vực nghiên cứu**

KBTLVSC Khau Ca đặc trưng là hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi, có 3 sinh cảnh đặc trưng cho vùng sống của các loài thú Linh trưởng. Các sinh cảnh bao gồm: Rừng nguyên sinh trên núi đá vôi, Rừng thứ sinh trên núi đá vôi và Rừng phục hồi sau nương rẫy. Phân bố của các loài Linh trưởng trong quá trình điều tra được thể hiện trên bảng 2.

**Bảng 2. Phân bố của các loài Linh trưởng theo sinh cảnh tại KBTLVSC Khau Ca**

STT	Sinh cảnh	Mô tả sinh cảnh	Loài Linh trưởng bắt gặp
1	Rừng nguyên sinh trên núi đá vôi	Có thể nói đây là dạng sinh cảnh có diện tích lớn nhất trong khu vực. Ở đây chủ yếu có loại cây thường xanh lá rộng thuộc họ Tiliaceae: ( <i>Excentrodendron tonkznensis</i> ), Ericaceae ( <i>Rhododendron spp.</i> ), Illiciaceae ( <i>Illicium spp.</i> ), Euphorbiaceae ( <i>Pometia spp.</i> , <i>Pometia spp.</i> , <i>Vernicia spp.</i> ), Aceraceae ( <i>Acer spp.</i> ), Araliaceae ( <i>Schefflera spp.</i> ), Fagaceae ( <i>Quecus spp.</i> ), Poaceae, Asteraceae, Malpighiaceae và Oleaceae.	Voọc mũi hếch, Khi mốc, Khi mặt đỏ
2	Rừng thứ sinh trên núi đá vôi	Sinh cảnh rừng thứ sinh trên núi đá vôi là dạng sinh cảnh phổ biến ở khu vực xã Tùng Bá. Rừng có trữ lượng và độ che phủ thấp, thường có hai tầng tán chính; tầng trên có chiều cao từ 12 - 15 mét với ưu hợp phổ biến là Giổi, Pơ mu, Nghiến,... tầng dưới chủ yếu là các loài Chòi mòi, Nhò vàng, Ô rô,...	Voọc mũi hếch, Khi mốc, Khi mặt đỏ, khi vàng, Cu li nhỏ
3	Rừng phục hồi sau nương rẫy	Dạng sinh cảnh này chủ yếu là cây bụi, độ tàn che thấp. Nguyên nhân hình thành sinh cảnh này là do khai thác rừng làm nương rẫy hoặc đốt rừng làm nương rẫy.	Khi mốc, Cu li nhỏ

**3.3. Đánh giá giá trị của thú Linh trưởng trong khu vực nghiên cứu**

KBTLVSC Khau Ca đều đang bị đe dọa ở mức độ quốc gia và toàn cầu (bảng 3).

Sáu loài thú Linh trưởng hiện có mặt ở

**Bảng 3. Tình trạng bảo tồn của các loài thú Linh trưởng**

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN (2007)	NĐ32 (2006)	IUCN (2014)
1	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	VU	IB	VU
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	VU	IB	VU
3	Khi vàng	<i>Macaca mulatta</i>	LR	IIB	LC
4	Khi mốc	<i>Macaca assamensis</i>	VU	IIB	NT
5	Khi mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	VU	IIB	VU
6	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	CR	IB	EN

**Ghi chú:** *SĐVN* (Sách đỏ Việt Nam), *NĐ32* (Nghị định 32/CP/2006), *IUCN* (Danh lục đỏ thế giới).

Trong sáu loài thú Linh trưởng tại KBT, theo Sách đỏ Việt Nam (2007) hiện có: 01 loài xếp mức Cực kỳ nguy cấp (CR): Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*); 04 loài đang ở mức sắp nguy cấp (VU); loài Khi vàng (*Macaca mulatta*) mặc dù đang trong tình trạng ít nguy cấp (LR), tuy nhiên nếu không có biện pháp bảo tồn kịp thời có thể trong tương lai mức độ đe dọa sẽ tăng lên. Theo Nghị định 32/CP/2006, cả 6 loài Linh trưởng ở

KBTLVSC Khau Ca đều thuộc Nghị định này, trong đó có 03 loài thuộc phụ lục IB: Voọc mũi hếch, Cu li lớn và Cu li nhỏ; 03 loài khi còn lại là Khi vàng, Khi mốc và Khi mặt đỏ thuộc phụ lục IIB. Ngoài ra, cả 6 loài Linh trưởng trong KBT đều thuộc Danh lục đỏ thế giới (IUCN, 2013), trong đó có: 01 loài ở mức nguy cấp (EN): Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*), 03 loài ở cấp VU: Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), Cu li nhỏ

(*Nycticebus pygmaeus*) và *Khỉ mặt đỏ* (*Macaca arctoides*).

Như vậy, cả 6 loài Linh trưởng tại KBTLVSC Khu Ca đều là những loài quý hiếm và có số lượng đang ngày càng bị suy giảm ở ngoài tự nhiên cần được sự quan tâm bảo tồn loài không những chỉ ở quy mô nước ta mà còn có ý nghĩa quốc tế.

### **3.5. Đánh giá các mối đe dọa đối với khu hệ thú Linh trưởng tại KBTL&SC**

Săn bắt và phá hủy sinh cảnh là hai nhóm mối đe dọa chính đến khu hệ thú Linh trưởng trong khu vực nghiên cứu. Trong đó, nhóm mối đe dọa săn bắt bao gồm: săn bắn và bẫy bắt; nhóm mối đe dọa phá hủy sinh cảnh bao gồm: khai thác gỗ, khai thác lâm sản phụ, phá rừng làm nương rẫy, cháy rừng và khai thác quặng.

#### **3.5.1. Săn bắt động vật hoang dã**

Săn bắt động vật hoang dã trước kia là hoạt động truyền thống của người dân nơi đây. Các hoạt động này diễn ra hầu như ở tất cả những nơi có sự phân bố của các loài động vật hoang dã. Hoạt động săn bắt thường diễn ra trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10. Mùa này có nhiều hoa quả, thời tiết ẩm áp, thuận lợi cho việc đi săn và cơ hội bắt gặp động vật nhiều hơn. Không những vậy, vào những tháng này người dân có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn.

Dụng cụ săn bắt chủ yếu là súng kíp và súng CKC. Ngoài ra, gần đây còn xuất hiện súng thể thao được các thợ săn chuyên nghiệp sử dụng. Việc sử dụng súng thể thao vào săn bắn động vật trở nên rất nguy hiểm do súng thể thao gọn nhẹ dễ cất giấu, khó bị phát hiện. Theo phỏng vấn từ người dân và các cán bộ Kiểm lâm thì súng thể thao có độ chính xác khá cao và không phát ra âm thanh lớn khi bắn nên rất khó khăn cho cán bộ quản lý khi tuần tra và truy quét.

Cũng theo thông tin phỏng vấn, người dân ở đây không có thói quen giữ lại các sản phẩm sau khi săn được như da, lông, xương mà đem bán hoặc đổi cho thương lái để lấy đạn cho đợt

săn tiếp theo hoặc họ không lột da khi làm thịt. Những sản phẩm săn chủ yếu được đem bán nguyên con kể cả các loài thú đã chết, họ chỉ dùng làm thực phẩm đối với các loài thú nhỏ hoặc những khi con thú chết bị con buôn ép giá. Đây cũng là một phần lí do đề tài đã không ghi nhận được mẫu vật nào có liên quan đến các loài thú kinh trưởng trong khu vực tại các hộ gia đình được phỏng vấn.

Tuy nhiên trong thời gian gần đây hoạt động này đã thuyên giảm nhiều do việc đi săn không mang lại hiệu quả cao và do các đợt truy quét của lực lượng Kiểm lâm. Hầu như súng săn được người dân giao nộp cho cơ quan quản lý, đối tượng đi săn trong khu vực còn rất ít. Trong suốt thời gian chúng tôi điều tra, thu thập số liệu không phát hiện bẫy bắt cũng như không nghe thấy tiếng súng trong khu vực. Điều này cho thấy công tác tuyên truyền, quản lý của Ban quản lý KBT và chính quyền địa phương đang mang lại nhiều tín hiệu tích cực.

#### **3.5.2. Phá hủy sinh cảnh sống**

Khai thác gỗ

Trước đây, hoạt động khai thác gỗ diễn ra khá phổ biến do truyền thống, tập quán sử dụng các loại gỗ tốt làm nhà của người dân trong khu vực khá cao, thêm vào đó là điều kiện kinh tế còn khó khăn nên họ chưa có khả năng mua và sử dụng các loại vật liệu khác để thay thế. Việc khai thác gỗ chủ yếu phục vụ xây dựng nhà cửa, đồ dùng trong nhà. Các loài cây có giá trị kinh tế cao như: Nghiến, Trai lý, Sến mật... thường bị khai thác dùng để làm thớt, con tiện cầu thang, đồ mộc gia dụng.... Tuy nhiên, từ khi thành lập KBT đến nay, hoạt động khai thác gỗ trái phép hầu như không diễn ra trong KBT.

Phá rừng làm nương rẫy

Trong khu bảo tồn chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số người Tày, Dao, người H'mông do tập quán của họ sống trên cao, cuộc sống gắn liền với rừng và cái đói nghèo bám dai dẳng

qua nhiều thế hệ, mặt khác diện tích đất bằng phẳng khá hạn hẹp, những diện tích có thể canh tác được thì chủ yếu để xây dựng nhà ở cho nhân khẩu mới phát sinh, nên việc phá rừng làm nương rẫy là điều không thể tránh khỏi. Hoạt động phá rừng làm nương rẫy đã làm thu hẹp sinh cảnh sống của các loài động vật nói chung và các loài thú Linh trưởng nói riêng. Trong những năm gần đây, nhờ có các chương trình, chính sách và các dự án bảo tồn, phát triển sinh kế, nâng cao nhận thức cho người dân trong khu vực nên tình trạng phá rừng làm nương đã giảm đáng kể.

**Khai thác lâm sản phụ**

Lấy cây thuốc làm men rượu: Theo người dân địa phương, một số vị thuốc chính làm men rượu không thể tìm thấy ở vườn rừng vì vậy phải vào KBT tìm kiếm. Ước tính hàng năm người dân địa phương khai thác khoảng 4.000kg dược liệu làm men thuốc. Số lượng người tìm kiếm cây dược liệu quá đông như vậy cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sinh cảnh của các loài Linh trưởng và tài nguyên rừng nơi đây.

**Chăn thả gia súc**

Do trong Khu bảo tồn có nhiều bản người dân tộc thiểu số sống xen kẽ, lại thiếu diện tích chăn thả nên gia súc mà họ chăn thả gây ảnh hưởng khá lớn đến rừng, hiện tượng này chủ yếu chỉ xảy ra ở khu vực vùng đệm.

Còn trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt do địa hình ở đây khá hiểm trở nên những loài gia súc thường không xâm nhập sâu vào rừng nên gần như hoạt động chăn thả gia súc tự do ảnh hưởng không nhiều đến những loài động vật hoang dã.

**Khai thác quặng**

Các hoạt động khai thác mỏ quặng trong khu vực Khau Ca đã diễn ra từ lâu với quy mô khai thác ngày càng mở rộng. Hoạt động khai thác quặng không nằm trong KBT, tuy nhiên tiếng động phát ra từ các hoạt động này có thể ít nhiều ảnh hưởng đến tập tính các loài Linh trưởng tại đây. Ngoài ra, khai thác quặng đã và đang gây ô nhiễm nguồn nước sông suối một cách nghiêm trọng, không những ảnh hưởng đến sinh hoạt, canh tác của người dân mà còn ảnh hưởng rất lớn tới những loài động thực vật phụ thuộc vào nguồn nước.

**3.5.3. Đánh giá các mối đe dọa**

Tổng số có 6 mối đe dọa đến các loài Linh trưởng được khi nhận tại KBT bao gồm: săn bắt, khai thác gỗ, khai thác lâm sản phụ, phá rừng làm nương rẫy, chăn thả gia súc và khai thác quặng. Sau khi tổng hợp các yếu tố về diện tích ảnh hưởng, cường độ ảnh hưởng và tính cấp thiết của các mối đe dọa đến khu hệ thú Linh trưởng, thứ tự xếp hạng mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của các mối đe dọa được trình bày trên bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả đánh giá các mối đe dọa**

STT	Các mối đe dọa	Tiêu chí xếp hạng			Tổng	Xếp hạng
		Diện tích ảnh hưởng	Cường độ ảnh hưởng	Tính cấp thiết		
1	Săn bắt	4	6	4	14	II
2	Khai thác gỗ	3	4	1	8	IV
3	Khai thác lâm sản phụ	6	2	5	13	III
4	Phá rừng làm nương rẫy	2	3	3	8	IV
5	Chăn thả gia súc	1	1	2	4	VI
6	Khai thác quặng	5	5	6	16	I
Tổng		21	21	21		

Từ bảng 4 cho thấy khai thác quặng là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đến các loài Linh trưởng trong KBT, tiếp đến là săn bắt, khai thác lâm sản phụ. Khai thác gỗ và phá rừng làm nương rẫy có số điểm như nhau và xếp ở hạng thứ 4. Chăn thả gia súc là mối đe dọa ít nghiêm trọng nhất trong các mối đe dọa ghi nhận ở KBT. Khi so sánh với các KBT và Vườn Quốc gia ở nước ta có thú Linh trưởng, hầu hết mối đe dọa chủ yếu là săn bắt và khai thác gỗ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng tại KBTLVSC Khu Ca có những hiệu quả rõ rệt. Mặc dù không thể tránh khỏi được những tác động của con người đến tài nguyên rừng nhưng những kinh nghiệm bảo vệ rừng Khu Ca cần được tiếp tục phát huy và nhân rộng ra các khu vực khác.

### **3.6. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn khu hệ thú Linh trưởng tại KBTLVSC Khu Ca**

#### *Bảo vệ sinh cảnh của các loài Linh trưởng*

Thú Linh trưởng thường sống ổn định trên một vùng sinh thái nhất định, nơi mà có nhiều thức ăn, leo trèo và ẩn náu. Tại KBTLVSC Khu Ca, vùng phân bố của các loài Khi, Voọc, Cu li được xác định phân bố chủ yếu trên sinh cảnh rừng nguyên sinh hay rừng thứ sinh trên cả núi đất và núi đá vôi thuộc các khu vực xã Tùng Bá và xã Minh Sơn. Đây là những khu vực mà chúng tôi quan sát thấy Khi và Voọc, các thông tin phỏng vấn người dân cũng đều khẳng định đã bắt gặp. Vì vậy, khoanh vùng trọng điểm bảo tồn tại xã Tùng Bá và xã Minh Sơn, đặc biệt trên các khu rừng nguyên sinh sẽ là việc làm cần thiết để bảo vệ sinh cảnh cũng như các tác động của người dân địa phương đến tài nguyên động thực vật tại khu vực.

#### *Tịch thu các loại súng săn*

Đối với các loài Linh trưởng súng là vũ khí đe dọa chính đến sự sinh tồn. Các loại bẫy bắt rất khó bắt được vì chúng thường di chuyển

trên tán cây rừng và rất ít khi xuống mặt đất. Vì vậy, thợ săn thường sử dụng súng để bắn các loài thú này khi bắt gặp. Do đó, khuyến khích người dân giao nộp toàn bộ các loại súng săn là giải pháp hữu hiệu không chỉ có ý nghĩa đối với bảo tồn các loài Linh trưởng mà còn vô cùng có ý nghĩa đối với các loài chim thú khác đang sinh sống trong khu vực.

#### *Mở rộng vùng sống và phục hồi sinh cảnh cho các loài Linh trưởng*

Khu BTLVSC Khu Ca có diện tích là 2.024ha. Diện tích này tương đối nhỏ hẹp trong quy định thành lập Khu bảo tồn hiện nay (trên 5000ha). Không những vậy, KBT Khu Ca có sự hiện diện của 6 loài thú Linh trưởng, đặc biệt là loài Voọc mũi hếch có số lượng tương đối lớn nên khu vực Khu Ca cần được mở rộng ra ngay gần kề hoặc liên kết với Khu bảo tồn thiên nhiên Du Già nhằm mở rộng diện tích vùng sống cho các loài Linh trưởng nói riêng và các loài động vật khác trong khu vực. Ngoài ra, đối với các nương rẫy đang được bỏ hoang xung quanh khu bảo tồn và các vùng đất trống tiến hành thực hiện các chương trình phục hồi rừng có kiểm soát trên các đối tượng rừng cụ thể mà đối tượng cây trồng là cây bản địa. Đối với rừng thường xanh trên núi đá vôi với đặc điểm bị tác động nhẹ, hoàn cảnh sinh thái rừng còn tốt thì phương thức phục hồi là bảo vệ nghiêm ngặt.

#### *Xây dựng chương trình giám sát các loài Linh trưởng và động vật hoang dã*

Xây dựng và thực hiện một chương trình giám sát nhằm quản lý bền vững tài nguyên động vật rừng, trước mắt tập trung giám sát đánh giá hiện trạng của những loài động vật có giá trị kinh tế và bảo tồn nguồn gen. Lập chương trình ưu tiên cho những loài thú Linh trưởng đang có nguy cơ bị mất hẳn trong khu bảo tồn, đó là các loài Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*), Cu li lớn, Cu li nhỏ....



*Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học và các loài thú Linh trưởng*

Khu bảo tồn cần thiết kể các hoạt động giáo dục bảo tồn nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng người dân sống trong và ngoài KBT. Đặc biệt nên quan tâm tuyên truyền vận động những người dân là người dân tộc H'Mông, họ là nguyên nhân chính làm suy giảm quần thể thú nói chung và Linh trưởng nói riêng ở KBTLVSC Khu Ca. Nội dung tuyên truyền cần cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu và đa dạng hoá các loại hình tuyên truyền, bằng áp phích, băng zon, khẩu hiệu, truyền thanh; phương thức tuyên truyền cũng cần được thay đổi, tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền gián tiếp.

*Nâng cao năng lực cán bộ*

Xây dựng năng lực cho các Cán bộ Kiểm lâm thông qua đào tạo về các kỹ năng bảo vệ rừng và cung cấp các tài liệu tham khảo thiết yếu (bản đồ, sách hướng dẫn thực địa, các văn bản pháp luật...) và trang thiết bị (GPS, ống nhòm, la bàn, máy ảnh và các trang thiết bị thực địa và cắm trại...). Quan tâm nhiều hơn và đào tạo bài bản chuyên nghiệp đội ngũ cán bộ Kiểm lâm địa bàn, mỗi Trạm có một đến hai Cán bộ Kiểm lâm địa bàn chuyên trách.

*Nâng cao đời sống của người dân địa phương*

KBTLVSC Khu Ca cần phải có sự kết hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã trong vùng đệm, quy hoạch phân vùng cho sản xuất cây nông nghiệp, công nghiệp và đặc biệt là kêu gọi các dự án hỗ trợ trồng rừng trên các diện tích đất trống, đồi núi trọc. Hàng năm trong kế hoạch của KBTLVSC Khu Ca tăng thêm kinh phí xây dựng các mô hình trồng mây, tre lấy măng, cây công nghiệp, nâng cao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho người dân địa phương. Phục hồi và phát triển những nghề thủ công mang tính truyền thống trong khu vực. Đây chính là những nhân tố tham gia trực

tiếp vào bảo vệ rừng và họ còn là mạng lưới cung cấp thông tin, tuyên truyền viên tích cực đến bảo vệ đa dạng sinh học góp phần bảo vệ môi trường sống cho các loài Linh trưởng.

#### **IV. KẾT LUẬN**

- KBTLVSC Khu Ca hiện có 6 loài thú Linh trưởng thuộc hai họ: họ Cu li (Loricidae) và họ Khi (Cercopithecidae).

- Vùng phân bố của các loài Linh trưởng tại KBTLVSC Khu Ca phân bố chủ yếu trên các dạng sinh cảnh rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh trên cả núi đất và núi đá vôi, tập trung ở các xã Tùng Bá và Minh Sơn.

- Khu bảo tồn có giá trị bảo tồn cao. Cả 6 loài Linh trưởng ghi nhận được tại KBT đều được xếp hạng trong các văn bản pháp lý. Đặc biệt, trong số này loài Voọc mũi hếch là loài đặc hữu ở Việt Nam có số lượng bị suy giảm mạnh ngoài tự nhiên và đang được cực kỳ quan tâm ở Việt Nam (xếp cấp CR trong Sách đỏ Việt Nam, 2007) và trên thế giới (xếp cấp EN trong IUCN, 2013).

- Hiện tại, đã xác định được 7 mối đe dọa thuộc hai nhóm mối đe dọa chính đến các loài thú Linh trưởng trong khu vực. Hai nhóm mối đe dọa này là săn bắt (bao gồm săn bắn và bẫy bắt) và phá hủy sinh cảnh (bao gồm khai thác gỗ củi, khai thác lâm sản phụ, cháy rừng, chăn thả gia súc và khai thác quặng). Trong 6 mối đe dọa này, mối đe dọa khai thác quặng đang ảnh hưởng lớn nhất đến các loài Linh trưởng sinh sống trong KBT, tiếp đến là mối đe dọa về cháy rừng và khai thác lâm sản phụ.

- Nghiên cứu đề xuất 7 nhóm giải pháp nhằm bảo tồn các loài thú Linh trưởng trong KBT Khu Ca.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (2007), *Sách Đỏ Việt Nam - Phần Động vật*, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006), *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Thủ*

tướng chính phủ về: *Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*, Hà Nội.

3. Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009), *Phân loại học lớp thú (Mammalia)*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

4. Fauna & Flora international (2000), *Tình trạng bảo tồn linh trưởng Việt Nam*, Hà Nội.

5. Groves, C. (2001). *Primate taxonomy*. Washington: Smithsonian Institution Press.

6. Groves, C. P. (2004). Taxonomy and biogeography of primates in Vietnam and neighbouring regions. In T. Nadler, U. Streicher & H. T. Long (Eds.), *Conservation of primates in Vietnam* (pp. 15-22). Vietnam: Haki Publishing.

7. Đặng Huy Huỳnh, Hoàng Minh Khiên, Lê Xuân Cảnh, Nguyễn Xuân Đặng, Vũ Đình Thống và Đặng Huy Phương (2007), *Thú rừng-Mammalia Việt Nam hình thái và sinh học sinh thái một số loài (phần I)*, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

8. Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Lê Xuân Cảnh và Phạm Trọng Ánh (2009), *Động vật chí Việt Nam-Phần lớp thú*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

9. IUCN 2014. IUCN Red List of Threatened

Species. Version 2014.1. <[www.iucnredlist.org](http://www.iucnredlist.org)>. Downloaded on 12 September 2014.

10. Lê Vũ Khôi (2000), *Danh lục các loài thú Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

11. Margoluis, R., & Salafsky, N. (2001). *Is our project succeeding? A guide to threat reduction assessment for conservation*. Washington, D.C: Biodiversity Support Program.

12. Phạm Nhật (2002), *Thú Linh trưởng của Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

13. Lê Khắc Quyết (2001). *Exploratory survey of Wildlife in Ha Giang Province, Vietnam*. Hanoi, Vietnam: Fauna & Flora International - Indochina Program.

14. Lê Khắc Quyết (2004). Distribution and conservation of the Tonkin snub-nosed monkey (*Rhinopithecus avunculus*) in Du Gia nature reserve, Ha Giang Province, Northeast Vietnam. In T. Nadler, U. Streicher & H. T. Long (Eds.), *Conservation of primates in Vietnam*. Hanoi: Haki Publishing.

15. Lê Khắc Quyết và Lưu Tường Bách (2006). *Kết quả điều tra động vật hoang dã*. Hanoi, Vietnam: Trung tâm con người và thiên nhiên (Panature).

## **RESEARCH ON STATUS AND CONSERVATION OF PRIMATE FAUNA IN KHAU CA TONKIN SNUB - NOSED MONKEY HABITAT AND SPECIES CONSERVATION AREA, HA GIANG PROVINCE**

**Dong Thanh Hai**

### **SUMMARY**

Khau Ca Tonkin snub-nosed Monkey habitat and species conservation area located in Ha Giang Province is a important site for Tonkin snub-nosed Monkey conservation. There have been several indeep studies on Tonkin snub-nosed Monkey until date, however little information on primate fauna is available. The goals of this study are to reveal information on status and conservation of primate fauna. The results collected will be used for making conservation solutions of primate fauna in the reserve. Interviews and linetransect were used to collect field data. Results show that a total of 6 primate species belonging to 2 families are recorded in the reserve. Primate fauna in the reserve has a high conservation values. All 5 primate species are listed from vulnerable to critically endangere in national and international levels. Hunting and habitat loss are 2 main threats to the primate fauna in the reserve. Seven solutions are recommended to conserve primate species in the reserve.

**Keywords:** *Ha Giang, Khau Ca, Primates, species composition.*

**Người phản biện** : TS. Nguyễn Vĩnh Thanh  
**Ngày nhận bài** : 05/01/2015  
**Ngày phản biện** : 15/02/2015  
**Ngày quyết định đăng** : 15/3/2015